

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày / /2026  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này phải tuân theo quy định về bảo mật của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2026 và thay thế Quyết định số 979/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám

đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/cáo);
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

10  
3A  
NG  
JO  
V  
VH

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

---

*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-VCB-HĐQT ngày   /   /2026  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

## MỤC LỤC

<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng .....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 4. Áp dụng văn bản .....	2
<b>Chương II: CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	2
Điều 5. Hội đồng quản trị .....	2
Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị .....	2
Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .....	3
<b>Chương III: QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	3
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	3
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác .....	7
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị .....	9
<b>Chương IV: ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM</b> .....	11
<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	11
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	12
Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	13
<b>Chương V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN</b> .....	14
<b>BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	14
Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị .....	14
Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro .....	15
Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự .....	16
Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị .....	16
Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng .....	17
<b>Chương VI: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	17
Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	17
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị .....	19
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị .....	19
Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến .....	19
Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị .....	20
Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị .....	21

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản .....	21
<b>Chương VII: CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>22</b>
Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị....	22
Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị .....	22
Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
<b>Chương VIII: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>24</b>
Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác .....	24
Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát .....	24
Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	25
Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	26
<b>Chương IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>27</b>
Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế .....	27

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HDQT ngày / /2026  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát.
2. Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- HDQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.
- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 20 Quy chế này.

- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).

#### **Điều 4. Áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và quy định mới của pháp luật.

### **Chương II**

## **CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 5. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người Người điều hành Ngân hàng.

Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người

này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

### **Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

## **Chương III**

### **QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông gồm:

- (i) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- (ii) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- (iii) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng;
- (iv) Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- (v) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền;
- (vi) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa

vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

(vii) Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

(viii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

(ix) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

(x) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

(xi) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm hoạt động của Ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;

e) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

f) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản B Điều 75 Điều lệ Ngân hàng;

h) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng;

i) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

k) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;

m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;

n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;

p) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;

r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng;

s) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;

u) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

v) Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

w) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

x) Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;

y) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);

z) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

aa) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

bb) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

cc) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

dd) Các quyền và nhiệm vụ khác được ĐHCĐ ủy quyền, theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

2. Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT còn có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;

c) Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác**

1. HĐQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HĐQT:

a) Các vấn đề mà HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng;

b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

h) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

i) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

j) Tiến hành đánh giá hàng năm hiệu quả hoạt động của HĐQT, các ủy ban của HĐQT và từng thành viên của HĐQT;

k) Tiến hành đánh giá hàng năm về hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc;

1) Các vấn đề khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần phải trình HĐQT thông qua.

2. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và các thành viên HĐQT chuyên trách tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề khác còn lại thuộc thẩm quyền của HĐQT, ngoại trừ các vấn đề tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp của HĐQT.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
9. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
11. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT, nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của chủ tịch HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT định kỳ hàng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các

vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập khác của HĐQT.

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

**Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;

f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

h) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 8 Quy chế này;

- i) Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông;
  - j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng;
  - k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
  - l) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;
  - m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc;
  - n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Ngoài quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:
- a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;
  - b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
  - c) Thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;
  - d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;
  - e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

#### **Chương IV**

### **ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng,

ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó;

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

### **Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành Ngân hàng;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên hai doanh nghiệp khác;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác

2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con

của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác

3. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

#### **Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chết;

b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 14 Quy chế này, Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi HĐQT;

b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 Quy chế này;

c) Không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

5. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

## **Chương V**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:

a) Ủy ban quản lý rủi ro;

b) Ủy ban nhân sự;

c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên HĐQT và được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. HĐQT bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập HĐQT là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

c) Khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cục Quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng) để báo cáo theo đúng thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do HĐQT ban hành.

### **Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro**

1. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau:

a) Ban hành các quy chế, quy trình, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b) Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

2. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

3. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy chế, quy trình, quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy chế, quy trình, quy định, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

4. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

#### **Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự**

1. Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.

2. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của VCB trong từng thời kỳ.

3. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của VCB.

#### **Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị**

1. Bộ phận Thư ký Ngân hàng là bộ phận chuyên trách giúp việc cho HĐQT. HĐQT quyết định lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Bộ phận Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thư ký Ngân hàng do HĐQT quy định.

## **Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

## **Chương VI**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi tháng 01 (một) lần và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập. Chương trình nghị sự của cuộc họp định kỳ, thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

3. Người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT là một trong những người sau đây:

a) Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản và phải thông báo cho các thành viên còn lại của HĐQT và Tổng giám đốc biết;

b) Thành viên HĐQT được các thành viên còn lại của HĐQT bầu tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong trường hợp người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT tại điểm a khoản 3 Điều này vắng mặt hoặc không thể làm việc được.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp song ít nhất phải bao gồm các vấn đề sau (áp dụng đối với các phiên họp HĐQT định kỳ):

a) Chủ tịch HĐQT báo cáo các công việc đã thực hiện của HĐQT giữa hai kỳ họp định kỳ;

b) Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đồng thời đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tiếp theo;

c) Trưởng Ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát, cảnh báo đối với hoạt động của Ngân hàng;

d) Người đứng đầu các Ủy ban báo cáo tình hình hoạt động của Ủy ban và các vấn đề khác có liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.

6. Thành phần mời tham dự họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành trên cơ sở triệu tập của Chủ tịch HĐQT hoặc của người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT có thể mời thêm một số thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT tại các cuộc họp giữa hai kỳ họp định kỳ theo quy định của Điều 9 Quy chế này.

Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, các thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như nêu tại Điều 46, Điều 49 Điều lệ Ngân hàng. Các thành viên khác không phải là thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp của HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

#### **Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo họp HĐQT được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.

#### **Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp HĐQT theo quy định, cuộc họp HĐQT phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

#### **Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến**

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham dự phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

2. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT có mặt hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị**

Ngoài các quy định tại Điều 49 Điều lệ Ngân hàng, trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp HĐQT được thực hiện như sau:

a) Bộ phận Thư ký Ngân hàng chịu trách nhiệm chuẩn bị toàn bộ nội dung tài liệu cuộc họp, trình Chủ tịch HĐQT thông qua và gửi đến các thành viên dự họp theo quy định.

b) Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan tại Điều lệ Ngân hàng.

c) Mọi cuộc họp HĐQT phải được Bộ phận Thư ký Ngân hàng lập biên bản cuộc họp có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 51 Điều lệ Ngân hàng, phản ánh trung thực, khách quan diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra nghị quyết, quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

d) Trường hợp Người phụ trách quản trị Ngân hàng kiêm nhiệm làm Thư

ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng phối hợp cùng Bộ phận Thư ký Ngân hàng thực hiện những nội dung quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này.

## **Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Ngân hàng theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền.

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường có giá trị hiệu lực như các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp định kỳ và chỉ được thông qua khi có đa số các thành viên dự họp là thành viên HĐQT biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường phải được thông báo lại cho các thành viên HĐQT còn lại biết tại cuộc họp định kỳ gần nhất của HĐQT.

## **Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Bộ phận Thư ký Ngân hàng chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.

4. Bộ phận Thư ký Ngân hàng tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

5. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ

tịch HĐQT.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời (có chữ ký của thành viên HĐQT), biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

7. Để kịp thời giải quyết các trường hợp cấp bách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản theo một trong hai cách sau:

a) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên nội dung tờ trình từng vấn đề của Ban điều hành.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp bất thường của HĐQT với điều kiện quyết định đó được đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến tán thành.

## **Chương VII**

### **CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT.

2. Kết thúc đợt công tác, các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

**Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị**

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của Ngân hàng.

2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Giám đốc/Trưởng các

Phòng/Ban/Trung tâm/Văn phòng đại diện/Đơn vị sự nghiệp tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của HĐQT đều sao gửi đến Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.

5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Ngân hàng có trách nhiệm chuyển và nhận tất cả các công văn, tài liệu của HĐQT. Mọi văn bản, tài liệu từ bên ngoài gửi tới Ngân hàng đều phải sao gửi HĐQT để biết và chỉ đạo giải quyết.

### **Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng quy định.

2. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ trong một số trường hợp được thực hiện như sau:

a) Quyết định phân cấp, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống Ngân hàng và Quy chế tài chính của Ngân hàng do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;

b) Quyết định phân cấp, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính, các quy định có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;

c) Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành;

d) Các nội dung phân cấp, giao nhiệm vụ khác được thực hiện theo các quy định có liên quan của HĐQT.

3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị thành viên Ngân hàng.

## **Chương VIII**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác**

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

#### **Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát**

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

4. HĐQT bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng

với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

### **Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành**

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. HĐQT quyết định cơ cấu Ban điều hành phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Ngân hàng. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Ngân hàng thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Ngân hàng.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban hoặc các chức danh khác có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

7. Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý; trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.

9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó

biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

### **Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

### **Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;
- b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- c) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d) Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;
- f) Các kế hoạch trong tương lai.

2. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá

về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

## **Chương IX**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày / /2026  
của HĐQT của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## MỤC LỤC

<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản .....	2
Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản .....	2
<b>Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>2</b>
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	2
Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	3
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	5
Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	Error! Bookmark not defined.8
Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
<b>Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>9</b>
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	12

Điều 22.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
<b>Chương IV: TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>13</b>
Điều 23.	Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 24.	Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	13
<b>Chương V: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT.....</b>		<b>13</b>
Điều 25.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát .....	13
Điều 26.	Đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27.	Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 28.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	14
<b>Chương VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG.....</b>		<b>16</b>
<b>CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>		<b>16</b>
Điều 29.	Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị .....	16
Điều 30.	Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro.....	17
Điều 31.	Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự .....	17
<b>Chương VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH .....</b>		<b>17</b>
Điều 32.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành .....	17
Điều 33.	Việc bổ nhiệm Người điều hành .....	19
Điều 34.	Ký hợp đồng lao động với Người điều hành .....	19
Điều 35.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc....	19
Điều 36.	Miễn nhiệm Người điều hành.....	20
<b>Chương VIII: QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH .....</b>		<b>20</b>
Điều 37.	Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành.....	20
Điều 38.	Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	22
Điều 39.	Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành.....	22
<b>Chương IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....</b>		<b>23</b>

Điều 40.	Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành .....	23
Điều 41.	Tiêu chí đánh giá hoạt động .....	24
Điều 42.	Xếp loại đánh giá cán bộ .....	24
Điều 43.	Khen thưởng .....	25
Điều 44.	Kỷ luật .....	25
<b>Chương X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....</b>		<b>25</b>
Điều 45.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	25
Điều 46.	Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	25
Điều 47.	Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	26
<b>Chương XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>		<b>26</b>
Điều 48.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng .....	26
Điều 49.	Giao dịch với người có liên quan .....	27
Điều 50.	Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng .....	27
<b>Chương XII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>		<b>28</b>
Điều 51.	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.....	28

Số: /QĐ-VCB-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2026 và thay thế Quyết định số 989/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương

Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/cáo);
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

**Nguyễn Thanh Tùng**

NG  
TỔ  
QU  
AM

2

## QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

### NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ..../QĐ-VCB-HĐQT ngày .../.../2026 của  
Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định những vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Người điều hành;
5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng;
6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
7. Báo cáo và công bố thông tin.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành Ngân hàng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Quản trị Ngân hàng:** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;

c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;

d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

2. **Cổ đông lớn:** là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

3. **Người phụ trách quản trị Ngân hàng:** là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 46 Quy chế này.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

#### **Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản**

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.

4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

### **Chương II**

## **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ nghị quyết, quyết định đó theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày Ngân hàng gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 31 (ba mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

1.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước/số Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp

hoặc sổ quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

#### **Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ;
2. Định hướng và biện pháp triển khai trong thời gian tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

### **Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng;
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.

2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ

đồng sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu vào từng thời điểm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất chỉ định một tổ chức trung lập để thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất.

6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để chờ cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thư ký cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tất cả cổ đông của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý

kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục được quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

#### **Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết họp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại các Điều 38, 39 của Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

#### **Điều 16. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết cho các cổ đông có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Chương III**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được

phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó;

f) Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(i) Người điều hành Ngân hàng;

(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên hai doanh nghiệp khác;

(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

## **Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

## **Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương

thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

### **Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Chết;
- b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- d) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

### **Điều 22. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 21 Quy chế này, Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị Ngân hàng;
  - b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 Quy chế này;
  - c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết theo quy định của pháp luật.
4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

#### **Chương V**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;
2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
3. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;
4. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
5. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

#### **Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

#### **Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;
- b) Chết;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức ;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

3. Đại hội cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
- e) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.

8. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ

sung thành viên Ban kiểm soát, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.

9. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

## **Chương VI**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

#### **CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên Hội đồng

quản trị chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cục quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng) để báo cáo.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro**

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự**

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự do Hội đồng quản trị ban hành.

## **Chương VII**

### **NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành**

1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:

- a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;
- c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân hàng;
- d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;
- e) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm

và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;

f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.

h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng

b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Tổng Giám đốc không đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

5. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng.

### **Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành**

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

### **Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành Ngân hàng không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

### **Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Chết.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.
- b) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- c) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm b khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, dự họp bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ.

5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc

### **Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng**

Việc miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

## **Chương VIII**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành**

1. Quan hệ công tác trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí và các nội dung có liên quan khác thực hiện như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Ngân hàng trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban

ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng). Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, sau khi tham dự, người được uỷ quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ nội dung.

b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.

c) Các phòng/ban/trung tâm có liên quan tại Trụ sở chính chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:

a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc Người điều hành Ngân hàng phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

c) Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.

e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực

tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.

f) Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

3. Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.

### **Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) đối với Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

### **Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành**

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, thành viên Ban điều hành và Người điều

hàng Ngân hàng có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.

2. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

5. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

6. Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

7. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

## **Chương IX**

### **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

**Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành**

1. Tuỳ thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người

điều hành Ngân hàng có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- a) Tự nhận xét đánh giá;
- b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng;
- c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
- d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

4. Tổng giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

#### **Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động**

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;

2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Ngân hàng, chủ trương, chính sách của Ngân hàng và quy định của Pháp luật;

3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;

5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

#### **Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ**

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.

#### **Điều 43. Khen thưởng**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

#### **Điều 44. Kỷ luật**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm. Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực trong từng thời kỳ.

### **Chương X**

#### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**

##### **Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

##### **Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

### **Chương XI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

#### **Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân

hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng giao dịch của đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 49. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

#### **Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng**

1. Ngân hàng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

**Chương XII**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng);*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 (Luật Doanh nghiệp);*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 13);*

*Căn cứ Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hiệu lực từ ngày 01/07/2026) (Thông tư 83);*

*Căn cứ Dự thảo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank ban hành kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-VCB-BKS ngày 19/8/2024 (Quy chế 1551),*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank như sau:

**1. Sự cần thiết của việc ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp ngày 19/8/2024 và được Ban Kiểm soát ban hành theo Quyết định số 1551/QĐ-VCB-BKS ngày

19/8/2024 trên cơ sở Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư 13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tại thời điểm ban hành.

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Thông tư 83 thay thế Thông tư 13 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ; trong đó một số nội dung có ảnh hưởng tới quy định về tổ chức và hoạt động của ban kiểm soát ngân hàng. Để đảm bảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank cập nhật với các quy định mới của pháp luật có liên quan, tương thích với Điều lệ Vietcombank được rà soát định kỳ hàng năm, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát hiện hành là cần thiết.

## **2. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank**

Trên cơ sở rà soát, đối chiếu các quy định tại Quy chế 1551 với các quy định pháp luật có liên quan, đồng thời so sánh với thực tế thực hiện và thông lệ của một số ngân hàng, Ban Kiểm soát đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Vietcombank.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và dự thảo toàn văn văn bản thay thế theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

(i) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank như nêu tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này và dự thảo thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm;

(ii) Giao Ban kiểm soát thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên và hiệu lực của Quy chế kể từ ngày 01/07/2026.

Kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
 TRƯỞNG BAN**



**Đinh Thị Thái**

**PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
<b>A</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ</b>		
1	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15	<b>Bổ sung, cập nhật</b> quy định để đảm bảo đầy đủ và phù hợp về thể thức dẫn chiếu văn bản.
2	Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024	Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH155	<b>Bổ sung, cập nhật</b> quy định để đảm bảo đầy đủ và phù hợp về thể thức dẫn chiếu văn bản.
3	Không quy định	Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020	<b>Bổ sung</b> quy định để đảm bảo đầy đủ.
4	Không quy định	Căn cứ Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	<b>Bổ sung</b> quy định để đảm bảo đầy đủ.
5	<b>Điều 2.</b> Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23/04/2021 của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế	<b>Điều 2.</b> Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 và thay thế Quyết định số 1551/QĐ-VCB-BKS ngày 19/08/2024 của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban	- <b>Cập nhật</b> thời điểm hiệu lực của văn bản (phù hợp với thời điểm hiệu lực của Thông tư 83/2025/TT-NHNN). - <b>Cập nhật</b> số và ngày Quy chế tổ chức và hoạt động hiện hành của BKS.

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	
6	<b>Điều 3.</b> Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này	<b>Điều 3.</b> Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, <b>Phó Giám đốc Khối</b> , Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này	<b>Bổ sung</b> chức danh “Phó Giám đốc Khối” để phù hợp với thực tế tại Vietcombank.
<b>B. NỘI DUNG QUY CHẾ</b>			
1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	
	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, <b>quy trình làm việc</b> và mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác <b>và các nội dung khác có liên quan tới tổ chức hoạt động</b> của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	<b>Chỉnh sửa</b> để làm rõ các nội dung được quy định tại Quy chế (không chỉ bao gồm quy trình làm việc của Ban kiểm soát).
2	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	2. Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	2. Kế toán trưởng, <b>Phó Giám đốc Khối</b> , Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.	<b>Bổ sung</b> chức danh “Phó Giám đốc Khối” để phù hợp với thực tế tại Vietcombank.
3	<b>Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ</b>	<b>Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ</b>	
	1. Các từ viết tắt: - Luật Các tổ chức tín dụng: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 - Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020	1. Các từ viết tắt: - Luật Các tổ chức tín dụng: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 <b>và các văn bản sửa đổi, bổ sung</b> - Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 <b>và các văn bản sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Cập nhật</b> “và các văn bản sửa đổi, bổ sung” để đảm bảo đầy đủ các luật sửa đổi bổ sung của Luật Các TCTD và Luật Doanh nghiệp.
4	<b>Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát</b>	
	3. Ban kiểm soát có Phòng Kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc là Phòng Giám sát hoạt động để thực hiện nhiệm vụ của mình.	3. Ban kiểm soát có <b>bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc</b> để thực hiện nhiệm vụ, <b>quyền hạn của mình.</b>	<b>Chỉnh sửa</b> để đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức các bộ phận thuộc BKS hiện nay tại Vietcombank, đồng thời vẫn phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Các TCTD.
5	<b>Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QD 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>3. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của các chức danh chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với chuyên gia, kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</p> <p>6. Giám sát đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;</p>	<p>3. Quyết định cơ cấu tổ chức, <b>chức năng</b>, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của kiểm toán viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với kiểm toán viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. <b>Phê duyệt báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ của Ngân hàng bao gồm báo cáo định kỳ hằng năm và báo cáo đột xuất về kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN.</b></p> <p><b>6. Giám sát đối với bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định.</b></p>	<p>- <b>Cập nhật</b> khoản 3 Điều 6 để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư 83;</p> <p>- <b>Cập nhật</b> khoản 4 Điều 6 để phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 9 Thông tư 83;</p> <p>- <b>Bổ sung</b> khoản mới tại Điều 6 (tương ứng khoản 6) để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư 83;</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>b) Giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ trong việc:</p> <p>(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;</p> <p>(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;</p> <p>(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.</p> <p>7. Giám sát thực trạng tài chính; thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định một số báo cáo sau:</p> <p>(i) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>(ii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc;</p> <p>(iii) Báo cáo tình hình kinh doanh.</p> <p>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p>	<p><b>7. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan đến kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, tối thiểu bao gồm:</b></p> <p>a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.</p> <p>b) Giám sát, <b>đánh giá</b> bộ phận kiểm toán nội bộ, <b>Trưởng kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát được thuê tổ chức bên ngoài có chuyên môn đánh giá chất lượng hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ.</b></p> <p><b>8.</b> Giám sát thực trạng tài chính; thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p>	<p>- <b>Cập nhật</b> Khoản 6 Điều 6 Quy chế hiện hành (tương ứng Khoản 7 Dự thảo sửa đổi) để phù hợp với quy định tại khoản Khoản 1 Điều 72 Thông tư 83.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> Khoản 7 (tại Dự thảo Quy chế mới là Khoản 8) Điều 6 để rõ ý, phù hợp với diễn đạt tại Khoản 4 Điều 52 Luật Các TCTD 2024 và Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.</p> <p>...</p> <p>20. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 9, 14, 18 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, Người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</p>	<p>13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <b>phê duyệt danh sách</b> tổ chức kiểm toán <b>được chấp thuận</b> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; <b>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</b></p> <p>...</p> <p>21. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản <b>10, 15, 19</b> Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, Người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</p>	<p>- <b>Cập nhật</b> Khoản 12 (tại Dự thảo Quy chế mới là Khoản 13) Điều 6 để phù hợp với Khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Cập nhật số thứ tự tương ứng tại khoản 20 Điều 6 (tại Dự thảo Quy chế mới là Khoản 21).</p>
6	<b>Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b>	
	<p>1. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>b) Bầu Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>1. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>b) Bầu <b>một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.</b></p>	<b>Chỉnh sửa</b> để thống nhất với Điều lệ và phù hợp khoản 2 Điều 54 Luật Các TCTD 2024.
7	<b>Điều 13. Các bộ phận thuộc Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 13. <u>Đơn vị</u> thuộc Ban kiểm soát</b>	<b>Chỉnh sửa</b> “Các bộ phận” thành “Đơn vị” để phù hợp cơ cấu tổ chức các bộ phận hiện nay của BKS.
	1. Phòng Giám sát hoạt động: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.	Phòng Kiểm toán nội bộ là bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc thuộc Ban kiểm soát, thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các chức	<b>Chỉnh sửa</b> để quy định thống nhất và phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ phận thuộc BKS hiện nay tại Vietcombank.

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	2. Phòng Kiểm toán nội bộ: là đơn vị thuộc Ban kiểm soát, thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.	năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.	
8	<b>Điều 14. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 14. Thù lao, <u>lợi ích</u> và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát</b>	<i>Chỉnh sửa</i> tiêu đề để thống nhất với nội dung quy định tại Điều 14
	1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao <b>theo công việc</b> và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	<i>Chỉnh sửa</i> để thống nhất với quy định tại Điều lệ Vietcombank
9	<b>Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 15. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</b>	<i>Chỉnh sửa</i> tiêu đề để thống nhất với nội dung quy định tại Điều 15
	2. Thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách mảng công việc nào thì thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến đối với các mảng công việc đó. 3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.	2. <b>Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Thành viên Ban kiểm soát.</b> 3. Thành viên Ban kiểm soát <b>chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; có thể đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.</b>	<i>Cập nhật</i> , diễn đạt lại để phù hợp với quy định về quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS tại Điều 7 Quy chế Ban kiểm soát hiện hành; phù hợp với thực tế thực hiện trên cơ sở tham khảo Điều 106 Luật Doanh nghiệp về Chế độ làm việc của Ban kiểm soát doanh nghiệp nhà nước.
10	<b>Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	
	2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.	2. Ban kiểm soát họp định kỳ và <b>họp bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần</b> do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc	- Chuyển nội dung về tần suất họp định kỳ từ khoản 3 lên khoản 2 thống nhất với cách thức trình bày tại khoản 2 Điều 69 Điều lệ Vietcombank.

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p>3. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:</p> <p>a) <b>Thống đốc Ngân hàng nhà nước.</b></p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d) Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>e) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>f) Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, e, f của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường...</p> <p>5. Các cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng.</p>	<p>một thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>e) Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm <b>a, b, d, e</b> của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường...</p> <p>5. Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng <b>hoặc các địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam theo sự thống nhất của các thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có thể họp trực tuyến khi cần thiết.</b></p>	<p>- <b>Chỉnh sửa</b> nội dung quy định về việc tiến hành cuộc họp bất thường của BKS theo đề nghị của Thống đốc NHNN thống nhất với Điều lệ Vietcombank.</p> <p>- <b>Cập nhật</b> số thứ tự tương ứng</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> địa điểm họp của Ban kiểm soát để phù hợp thực tế và các văn bản quy định nội bộ khác của Vietcombank; vẫn đảm bảo các quy định pháp luật (luật không yêu cầu Ban kiểm soát bắt buộc phải họp tại trụ sở hoặc hạn chế Ban kiểm soát họp kết hợp/ họp tại địa điểm khác/ họp trực tuyến...).</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	- <b>Bổ sung</b> Khoản 6 Điều 16 để đầy đủ theo Khoản 2, Điều 289 Nghị định 155/2020.
11	<b>Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát</b>	
	<p>1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết. <b>Trường hợp người được ủy quyền dự họp không phải là thành viên Ban kiểm soát thì người đó không được biểu quyết.</b></p> <p>2....</p> <p>7. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, <b>cán bộ thuộc Ban kiểm soát chuẩn bị phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi tận tay hoặc gửi bằng</b></p>	<p>1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết <b>bằng văn bản</b> cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết <b>có xung đột lợi ích với thành viên đó.</b></p> <p>2....</p> <p>7. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, <b>bộ phận giúp việc gửi các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến theo phương thức hợp lệ (gửi trực tiếp, gửi thư đảm bảo, gửi theo phương thức điện tử) đến từng thành viên Ban kiểm</b></p>	<p>- <b>Bổ</b> nội dung về trường hợp ủy quyền dự họp không phải là thành viên Ban kiểm soát; <b>bổ sung, cập nhật</b> nội dung về ủy quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát tại Khoản 1 Điều 18 để thống nhất với Điều lệ và phù hợp thực tế thực hiện (không phát sinh trường hợp ủy quyền dự họp cho người không phải là thành viên BKS).</p> <p>- <b>Chỉnh sửa, bổ sung</b> nội dung về phương thức gửi tài liệu lấy ý kiến tại Khoản 7 Điều 18 để đầy đủ, phù hợp với thực tế thực hiện.</p> <p>- <b>Bổ</b> quy định tại Khoản 9 Điều 18 do nội dung này không được quy định tại văn bản pháp luật và mang tính hướng dẫn thực hiện.</p>

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<p><b>phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của</b> từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.</p> <p>...</p> <p>9. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến.</p> <p>c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến.</p> <p>e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.</p> <p>g) Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.	
12	<b>Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát</b>	
	1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu	1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập <b>chi tiết và rõ ràng</b> bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc	<b>Chỉnh sửa</b> để đầy đủ, phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 289 Nghị định 155/2020/ NĐ-CP và Điều 40, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.	hợp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.	
13	<b>Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin</b>	<b>Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin</b>	
	<p>1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.</p> <p>b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.</p> <p>c) Các thông tin tài chính; các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các thông tin khác; các biên bản họp và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến <b>địa điểm làm việc của Người quản lý Ngân hàng và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ.</b></p>	<p>1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu khác kèm theo.</p> <p>b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.</p> <p>c) Các thông tin tài chính; các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các thông tin khác; các biên bản họp và nghị quyết, quyết định của <b>Đại hội đồng cổ đông</b>, Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến <b>các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc.</b></p>	<p>- <b>Bổ sung</b> nội dung “<i>các biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i>” để đầy đủ các thông tin BKS được cung cấp theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và thống nhất với khoản 1 Điều 65 Điều lệ Vietcombank.</p> <p>- <b>Chỉnh sửa</b> Khoản 4 Điều 20 để thống nhất với dự thảo sửa đổi Điều lệ Vietcombank (khoản 3 Điều 65).</p>
14	<b>Điều 22. Mỗi quan hệ công tác của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 22. Mỗi quan hệ công tác của Ban kiểm soát</b>	

TT	QUY CHẾ BKS HIỆN HÀNH (QĐ 1551/QĐ-VCB-BKS)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	<b>2. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị</b>	<b>2. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị</b>	
	f) Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.	f) Ban kiểm soát <b>có thể</b> tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị <b>trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên</b> Đại hội đồng cổ đông.	<b>Cập nhật</b> quy định để phù hợp với Khoản 11, Điều 170, Luật Doanh nghiệp.
<b>15</b>	<b>Điều 27. Tổ chức thực hiện</b>	<b>Điều 27. Tổ chức thực hiện</b>	
	Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, <b>Phó Giám đốc Khối</b> , Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	<b>Bổ sung</b> chức danh “Phó Giám đốc Khối” để phù hợp với thực tế tại Vietcombank.

DỰ THẢO



**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-BKS ngày tháng năm 2026  
của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

✓

Số: /QĐ-VCB-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát  
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nam**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ...;

Căn cứ Nghị quyết số .../.../NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../.... của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 và thay thế Quyết định số 1551/QĐ-VCB-BKS ngày 19/08/2024 của Ban kiểm soát Ngân



hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Đinh Thị Thái**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

---

*(Ban hành kèm theo Quyết định số      /QĐ-VCB-BKS ngày      tháng      năm 2026  
của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam)*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I .....</b>	<b>1</b>
<b>QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng .....	1
Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ .....	1
Điều 4. Áp dụng văn bản .....	2
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>3</b>
<b>QUY ĐỊNH CỤ THỂ .....</b>	<b>3</b>
<b>MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN .....</b>	<b>3</b>
<b>CỦA BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>3</b>
Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát.....	3
Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát .....	3
Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát .....	6
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát .....	7
Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát .....	9
Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát.....	9
Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	10
Điều 13. Đơn vị thuộc Ban kiểm soát.....	11
Điều 14. Thù lao, lợi ích và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát .....	12
<b>MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>12</b>
Điều 15. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	12
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	12
Điều 17. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát .....	13
Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát.....	14
Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát.....	15
<b>MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>16</b>
Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin.....	16
Điều 21. Bảo mật thông tin.....	16
Điều 22. Mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát .....	17
Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	19
Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật.....	19
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>19</b>
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>19</b>
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế .....	19
Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp .....	19
Điều 27. Tổ chức thực hiện .....	20

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-VCB-BKS ngày tháng năm 2026  
của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và các nội dung khác có liên quan tới tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam .
2. Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ**

1. Các từ viết tắt:
  - Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ban điều hành: Ban điều hành Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Người quản lý Ngân hàng: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Người điều hành Ngân hàng: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng: bao gồm các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc và công ty con của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Luật Các tổ chức tín dụng: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

#### **Điều 4. Áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì áp dụng các quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ và quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và quy định mới của pháp luật.

**CHƯƠNG II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**  
**MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật; số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

3. Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của kiểm toán viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với kiểm toán viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Phê duyệt báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ của Ngân hàng bao gồm báo cáo định kỳ hằng năm và báo cáo đột xuất về kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.

6. Giám sát đối với bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định.

7. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan đến kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, tối thiểu bao gồm:

a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.

b) Giám sát, đánh giá bộ phận kiểm toán nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát được thuê tổ chức bên ngoài có chuyên môn đánh giá chất lượng hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ.

8. Giám sát thực trạng tài chính; thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc

hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

9. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

10. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

(i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

14. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

15. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi

phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ sau khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng.

16. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.

17. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

18. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.

20. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

21. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 10, 15, 19 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, Người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

22. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát**

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 6 Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.

8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

11. Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b) Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

e) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

f) Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.

g) Yêu cầu Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

h) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

i) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

j) Có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

k) Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan, cung cấp, công bố công khai thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.

c) Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Các giao dịch này phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty mà thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

#### **Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát**

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.

4. Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát**

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;

2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;

3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;

4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;

5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc;

b) Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.

**Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

1. Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng; người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

**Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được là thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc trường hợp cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Chết.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Trừ trường hợp thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng.

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

✓

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Trong trường hợp thiếu thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

6. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ) làm Trưởng Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ.

8. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

9. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

### **Điều 13. Đơn vị thuộc Ban kiểm soát**

Phòng Kiểm toán nội bộ là bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc thuộc Ban kiểm soát, thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng, phân công của Ban kiểm soát.

#### **Điều 14. Thù lao, lợi ích và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Chi phí hoạt động (chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập) của thành viên Ban kiểm soát được Ngân hàng thanh toán theo quy định.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

### **MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.
2. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Thành viên Ban kiểm soát.
3. Thành viên Ban kiểm soát chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; có thể đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát họp định kỳ và họp bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.
3. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Trưởng Ban kiểm soát.
- d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.
- e) Tổng Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, thông báo Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Các cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng hoặc các địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam theo sự thống nhất của các thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có thể họp trực tuyến khi cần thiết.

6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 17. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát**

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt (trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm) và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát, phiếu biểu quyết của các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp

không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát chấp thuận.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp lần hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về thành phần và tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên đó.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

6. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

7. Trường Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Theo yêu cầu của Trường Ban kiểm soát, bộ phận giúp việc gửi các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến theo phương thức hợp lệ (gửi trực tiếp, gửi thư đảm bảo, gửi theo phương thức điện tử) đến từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban kiểm soát.

### **Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ theo quy định nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

### **MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin**

1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.

b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

c) Các thông tin tài chính; các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các thông tin khác; các biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về công tác quản lý, điều hành và thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

3. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý Ngân hàng và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc.

#### **Điều 21. Bảo mật thông tin**

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu Ngân hàng và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Ngân hàng, hoặc các thông tin mà Ngân hàng chưa công bố ra bên ngoài.

3. Sau khi hết nhiệm kỳ hoặc đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát vẫn có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo các quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng (trừ trường hợp các thông tin mật đã được Ngân hàng công bố công khai).

4. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

## **Điều 22. Mọi quan hệ công tác của Ban kiểm soát**

1. Mọi quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và cổ đông:

a) Ban kiểm soát thực hiện chế độ gửi báo cáo đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Ban kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ.

c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

b) Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

d) Ban kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị (nếu có), Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

e) Ban kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.

f) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Mỗi quan hệ với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng:

a) Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc.

b) Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro của Ngân hàng cho Ban kiểm soát/Phòng Kiểm toán nội bộ để phục vụ việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.

c) Ban điều hành đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

d) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác.

e) Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến thực trạng tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

f) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

g) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có), báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

h) Ban điều hành tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng.

### 4. Mỗi quan hệ với các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng:

a) Các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

b) Lãnh đạo các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát theo đúng thời gian quy định.

c) Các Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng thực hiện cơ chế phối hợp trong quá trình hoạt động với Ban kiểm soát theo các quy định nội bộ của Ngân hàng.

### **Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

### **Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật**

Việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật thành viên Ban kiểm soát, cán bộ thuộc Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

## **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát xem xét, đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời gian được bầu, bổ nhiệm.

2. Trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã

được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 27. Tổ chức thực hiện**

Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Đinh Thị Thái**

**NGÂN HÀNG TMCP  
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

## **TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), tầm nhìn 2030 và nâng cao năng lực tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của VCB, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ của VCB như sau:

### **I. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ**

#### **Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:**

- Tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 18 của VCB phê duyệt theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 (Nghị quyết 18), theo đó chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa 543.100.000 cổ phiếu phổ thông, tương đương mức vốn điều lệ tối đa tăng thêm 5.431.000.000.000 đồng.

- Bổ sung vào Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Nghị quyết 18 “*Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua Phương án và dự kiến sau khi tăng vốn*” (Danh sách cụ thể như trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm).

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế chủ động thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và rà soát, chỉnh sửa Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để làm rõ/chi tiết các nội dung trong Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoặc trong trường hợp có thay đổi của pháp luật tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

### **II. Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VCB với một số nội dung cơ bản

như sau (*Phương án chi tiết đính kèm*):

**1. Tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

- **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông;
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng một cổ phiếu);
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 8.355.675.094 cổ phiếu;
- **Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành:** giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành (nếu có thay đổi);
- **Mức vốn điều lệ tại thời điểm phê duyệt phương án phát hành:** 83.556.750.940.000 đồng;
- **Mức vốn điều lệ trước khi phát hành:** giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành (nếu có thay đổi);
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** tối đa 1.068.690.843 cổ phiếu và giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành;
- **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá:** tối đa 10.686.908.430.000 đồng và giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành;
- **Tỷ lệ phát hành<sup>1</sup>:** căn cứ theo mức vốn điều lệ tại thời điểm phát hành.
- **Nguồn sử dụng để phát hành và tăng vốn điều lệ:** Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ lũy kế đến hết năm 2023;
- **Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu:** thực hiện trong năm 2026 và có thể kéo dài sang năm 2027 theo thực tế triển khai; thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định;
- **Đối tượng phát hành:** Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của VCB tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày chốt quyền của VCB đối với đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần để chi trả cổ tức từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

**2. Kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm**

Vốn điều lệ được bổ sung sẽ tiếp tục sử dụng làm nguồn vốn hoạt động

<sup>1</sup> Tỷ lệ phát hành = Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

kinh doanh của VCB, đầu tư phát triển và chuyển đổi số; hướng tới mục tiêu chung là để nâng cao năng lực tài chính, phần đầu đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn CAR theo Basel III; mở rộng quy mô hoạt động, hiện đại hóa ngân hàng; hoàn thành các mục tiêu theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng, định hướng đến năm 2030 và Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong hỗ trợ nền kinh tế và doanh nghiệp.

### **3. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm**

- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VCB chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều lệ của VCB và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ.
- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VCB được đối xử bình đẳng và được hưởng mọi quyền lợi của cổ đông theo quy định của pháp luật.

### **Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:**

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Phương án);
2. Giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Phương án (để làm rõ/chỉ tiết các nội dung trong Phương án; hoặc trong trường hợp có thay đổi của pháp luật tại từng thời điểm; hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật) và triển khai thực hiện;
3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của VCB đối với nội dung vốn điều lệ sau phát hành theo Phương án được phê duyệt và kết quả phát hành thực tế;
4. Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:
  - Quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
  - Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền;
  - Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể theo kết quả phát hành thực tế;
  - Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phiếu, đăng ký vốn điều lệ của ngân hàng, sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với các cơ quan nhà nước có thẩm

quyền; sửa đổi Điều lệ VCB (nội dung liên quan đến vốn điều lệ); hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn theo quy định của pháp luật; thực hiện niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất việc phát hành; và

- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ phù hợp với quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Tùng**

## PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

### TỪ NGUỒN QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ

#### I. MỤC ĐÍCH VÀ SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Để thực hiện định hướng Đảng, Chính phủ; Chiến lược phát triển của ngành Ngân hàng, Chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) và nâng cao năng lực tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của VCB, nhu cầu bổ sung Vốn điều lệ (VDL) của VCB là rất cần thiết trên cơ sở các đánh giá như sau:

- Việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại VCB là phù hợp với Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng, định hướng đến năm 2030, Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế theo định hướng của Đảng, Chính phủ: ***“Chú trọng xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước lớn, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt, tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược, có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu hoặc các ngành, lĩnh vực thiết yếu”***.

- Việc tăng VDL sẽ giúp cho VCB có tiềm lực để tiếp tục phát huy trong việc thực thi các chính sách của Nhà nước như triển khai chính sách tín dụng để hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

- Việc tăng VDL cho VCB là điều kiện cần thiết để VCB có đủ nguồn lực hỗ trợ tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém được Chính phủ, NHNN giao, đảm bảo an toàn hệ thống, góp phần vào sự phát triển lành mạnh và ổn định của ngành ngân hàng, nền kinh tế.

- Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho VCB sẽ giúp VCB đáp ứng các tỷ lệ an toàn vốn theo yêu cầu của NHNN, hướng tới đạt được mục tiêu theo Chiến lược ngành Ngân hàng và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về an toàn vốn.

- Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ sẽ giúp cho VCB nâng cao năng lực tài chính để phấn đấu vươn ra khu vực nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á (về tổng tài sản) theo mục tiêu Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng, định hướng đến năm 2030: ***“Có ít nhất từ 2 - 3 NHTM nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á và 3 - 5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài”***.

## II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/06/2025;
- Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2015;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 19/11/2024;
- Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 của Thống đốc NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của Thống đốc NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);

- Công văn số 1526/NHNN-TCKT ngày 06/03/2026 của NHNN phê duyệt đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại VCB từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;

- Các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán có liên quan đến phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

### **III. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

#### **1. Tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

- **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông;
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng một cổ phiếu);
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 8.355.675.094 cổ phiếu;
- **Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành:** giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành (nếu có thay đổi);
- **Mức vốn điều lệ tại thời điểm phê duyệt phương án phát hành:** 83.556.750.940.000 đồng;
- **Mức vốn điều lệ trước khi phát hành:** giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành (nếu có thay đổi);
- **Mức vốn điều lệ dự kiến tăng:** tối đa 10.686.908.430.000 đồng và giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành;
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** tối đa 1.068.690.843 cổ phiếu và giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành;
- **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá:** tối đa 10.686.908.430.000 đồng và giao HĐQT xác định theo thực tế tại thời điểm phát hành;
- **Tỷ lệ phát hành<sup>2</sup>:** căn cứ theo mức vốn điều lệ tại thời điểm phát hành.
- **Nguồn sử dụng để phát hành và tăng vốn điều lệ:** Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ lũy kế đến hết năm 2023;
- **Thông tin về Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ** được xác định theo Phương án phân phối lợi nhuận của VCB các năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.
- **Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành việc**

<sup>2</sup> Tỷ lệ phát hành = Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành

**phát hành thêm cổ phiếu:** thực hiện trong năm 2026 và có thể kéo dài sang năm 2027 theo thực tế triển khai; thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định;

- **Đối tượng phát hành:** Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của VCB tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày chốt quyền của VCB đối với đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần để chi trả cổ tức từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.

## **2. Lưu ký và niêm yết bổ sung**

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

## **IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM, KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN**

### **1. Trình tự thủ tục, phương thức tiến hành tăng vốn**

- Lấy ý kiến cổ đông thông qua phương án tăng vốn;
- Tiến hành việc tăng vốn sau khi được ĐHĐCĐ thông qua với các bước theo quy định;
- Tiến hành đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung;
- Đăng ký vốn điều lệ mới và thực hiện sửa đổi Điều lệ (điều khoản quy định về vốn điều lệ), báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Dự kiến hoàn tất trong năm 2026 và có thể kéo dài sang năm 2027 theo thực tế triển khai.

### **2. Kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm**

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đang được quản lý, theo dõi trên cấu phần thuộc Vốn chủ sở hữu của VCB, đã góp phần hỗ trợ cho VCB đạt được các kết quả kinh doanh và hiệu quả tài chính vượt trội trong giai đoạn vừa qua. Việc ghi nhận tăng Vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ giúp VCB duy trì được nguồn vốn chủ sở hữu và khẳng định vai trò đầu tàu trong ngành ngân hàng.

Theo đó, toàn bộ vốn điều lệ được bổ sung sẽ tiếp tục sử dụng làm nguồn vốn hoạt động kinh doanh của VCB, đầu tư phát triển và chuyển đổi số; hướng tới mục tiêu chung là để nâng cao năng lực tài chính, phần đầu đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn CAR theo Basel III; mở rộng quy mô hoạt động, hiện đại hóa ngân hàng; hoàn thành các mục tiêu theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng, định hướng đến năm 2030 và Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong hỗ trợ nền kinh tế và doanh nghiệp.

### **3. Khả năng quản trị vốn sau khi tăng vốn điều lệ**

- Quy mô vốn điều lệ tăng lên đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VCB cũng phải tăng lên tương ứng.

- Tính đến thời điểm hiện tại, Hội đồng Quản trị VCB gồm các thành viên là những cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của VCB. Các thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phân công trực tiếp nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động của VCB. Một số thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động chuyên trách, do đó, tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả. Hội đồng Quản trị đóng vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và định hướng hoạt động lâu dài cho VCB, chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Ban Điều hành VCB gồm những thành viên có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt và thực thi đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị. Ban điều hành có khả năng cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được ngân hàng đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho Hội đồng Quản trị các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của VCB.

- VCB đã xây dựng được cơ chế quản trị và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động ngân hàng.

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua số lượng thành viên Ban Kiểm soát

của VCB nhiệm kỳ 2023-2028 là 05 thành viên, thời điểm hiện tại Ban Kiểm soát của VCB có 05 thành viên. Việc kiểm soát tính tuân thủ được thực hiện bởi đội ngũ kiểm soát viên tại các khâu hoạt động của VCB, đội ngũ nhân viên giám sát tuân thủ, giám sát hoạt động và kiểm toán nội bộ.

- Hệ thống công nghệ thông tin tại VCB hiện đại, các quy trình quản lý được tin học hóa, nối mạng toàn hệ thống đáp ứng yêu cầu cao của công tác quản lý. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng giúp VCB tăng khả năng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại cho khách hàng.

#### **4. Hiệu quả kinh tế, xã hội của việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho VCB**

Việc tăng vốn điều lệ là một bước quan trọng, tạo sức mạnh cho VCB ngày càng phát triển, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh, bảo đảm cân đối với tốc độ phát triển, quy mô hoạt động của ngân hàng.

##### **- Hiệu quả kinh tế:**

+ Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn CAR của VCB cao hơn mức tối thiểu (8,0%) theo quy định, đạt mục tiêu hệ số CAR theo Chiến lược ngành Ngân hàng và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về an toàn vốn;

+ Duy trì khả năng sinh lời ở mức hấp dẫn, gia tăng giá trị khoản đầu tư của cổ đông Nhà nước tại VCB. Nâng cao năng lực tài chính của VCB phù hợp với quy mô kinh doanh, hỗ trợ ngân hàng thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh, giữ vững đà tăng trưởng cao cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh, bảo đảm VCB phát triển bền vững, tiếp tục giữ vị thế là NHTM hàng đầu, chủ lực của Việt Nam, gia tăng giá trị khoản đầu tư của cổ đông Nhà nước tại VCB;

+ Mở rộng hoạt động tín dụng, kinh doanh vốn và các hoạt động kinh doanh khác của VCB; đảm bảo nguồn lực hỗ trợ tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém.

+ Tiếp tục phát huy vai trò của VCB là đầu tàu của hệ thống ngân hàng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế, góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP của quốc gia và trực tiếp củng cố nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua đóng góp từ giá trị nộp ngân sách nhà nước

##### **- Hiệu quả xã hội:**

+ Tiếp tục phát huy vai trò vị thế của VCB trong thực thi chính sách tiền tệ, thực hiện các chủ trương chính sách của Chính phủ, NHNN, đặc biệt trong việc

giảm lãi suất huy động, lãi suất cho vay, góp phần hình thành mặt bằng lãi suất trên thị trường theo đúng định hướng của ngành; Tạo nguồn lực hỗ trợ ngân hàng yếu kém, ổn định thị trường tiền tệ và góp phần ổn định nền kinh tế;

+ Với vai trò là NHTM chủ lực, chủ đạo của hệ thống tổ chức tín dụng, việc VCB nâng cao năng lực vốn, đảm bảo đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định là yếu tố quan trọng đối với sự an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng; đồng thời là cơ sở để VCB có thể tiếp tục tham gia tích cực vào quá trình tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng;

+ Nâng cao năng lực tài chính của VCB để phấn đấu vươn ra khu vực nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á (về tổng tài sản), từ đó nâng tầm vị thế của các ngân hàng Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

### **5. Thay đổi dự kiến về cơ cấu sở hữu**

Việc phát hành thêm cổ phiếu dự kiến không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các cổ đông của VCB.

**6. Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua Phương án tăng vốn từ Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ và dự kiến sau khi tăng vốn:**

Danh sách cụ thể như trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

**Phụ lục 01**

**Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ (PHRL) và dự kiến sau khi tăng vốn**

Tên tổ chức	Mã số doanh nghiệp <sup>1</sup>	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật của tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần <sup>2</sup>		Thông tin của người có liên quan của cổ đông đang sở hữu cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng
				Thời điểm thông qua Phương án PHRL	Dự kiến sau khi tăng vốn	
Ngân hàng nhà nước	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thống đốc NHNN Việt Nam	74,8%	70,2%	Không có thông tin
Mizuho Bank, Ltd. <sup>3</sup>	CA5593	1-5-5, Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	Masahiko Kato Quốc tịch Nhật Bản Số hộ chiếu TT4303353 Cấp ngày 16/08/2023 bởi Bộ Ngoại Giao Nhật Bản	15,0%	15,0%	Không có

(1) Là Sổ văn bản thành lập hoặc Sổ Đăng ký sở hữu

(2) So với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ

(3) Giả định Mizuho tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để giữ tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VCB như hiện tại (15%). Tỷ lệ sở hữu cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn của Mizuho có thể cao hơn 15% nhưng không quá 20% trong trường hợp Mizuho tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VCB.

**Phụ lục 02**

**Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua phương án tăng vốn từ Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ và dự kiến sau khi tăng vốn**

Tên tổ chức	Mã số doanh nghiệp <sup>1</sup>	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật của tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần <sup>2</sup>			Thông tin của người có liên quan của cổ đông đang sở hữu cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng
				Thời điểm thông qua Phương án	Thời điểm dự kiến phát hành (sau Phương án PHRL) <sup>3</sup>	Dự kiến sau khi tăng vốn <sup>3</sup>	
Ngân hàng nhà nước	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thống đốc NHNN Việt Nam	74,8%	70,2%	70,2%	Không có thông tin
Mizuho Bank, Ltd.	CA5593	1-5-5, Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	Masahiko Kato Quốc tịch Nhật Bản Số hộ chiếu TT4303353 Cấp ngày 16/08/2023 bởi Bộ Ngoại Giao Nhật Bản	15,0%	15,0%	15,0%	Không có

(1) Là Sổ văn bản thành lập hoặc Sổ Đăng ký sở hữu

(2) So với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ

(3) Giá định phát hành thành công toàn bộ 543,1 triệu cổ phiếu thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm dự kiến phát hành và dự kiến sau khi tăng vốn có thể thay đổi phụ thuộc kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

**NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội  
Mã số doanh nghiệp: 0100112437  
Số: 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 19**  
**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 27/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025;*

*Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 24/04/2026;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát (BKS) về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- a. Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:
  - Tổng tài sản: ~ 2,4 triệu tỷ đồng;
  - Dư nợ tín dụng: ~ 1,7 triệu tỷ đồng;
  - Tổng huy động vốn: ~ 1,7 triệu tỷ đồng;
  - Tỷ lệ nợ xấu: 0,97%;

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 44.020 tỷ đồng;
- b. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:
  - i. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác) đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2025
1	<b>Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (riêng lẻ)</b>	<b>34.506.669</b>
2	<b>Điều chỉnh tăng Lợi nhuận năm trước</b>	<b>19.881</b>
3	<b>Lợi nhuận phân phối [(1) + (2)]</b>	<b>34.526.550</b>
4	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%) [(3) x 10%]	3.452.656
5	<b>Lợi nhuận phân phối sau khi trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ [(3)-(4)]</b>	<b>31.073.894</b>
6	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính (0%) [(5) x 0%] (*)	-
7	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (25%) [(5) x 25%]	7.768.474
8	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (03 tháng tiền lương)	2.974.260
9	Điều chỉnh tăng khác	514
10	<b>Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích các quỹ [(5)-(6)-(7)-(8)+(9)]</b>	<b>20.331.674</b>
11	<b>Chia cổ tức</b> <i>Theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	<b>20.331.674</b>
12	<b>Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích lập các quỹ và chia cổ tức [(10)-(11)]</b>	<b>0</b>

(\*) HĐQT không đề xuất trích lập Quỹ Dự phòng tài chính năm 2025 do số dư lũy kế Quỹ này đã đạt mức tối đa 25% Vốn điều lệ hiện tại của VCB theo quy định của Nghị định 135/2025/NĐ-CP<sup>1</sup>.

- ii. Giao/ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận năm

<sup>1</sup> Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về Chế độ tài chính đối với Tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước.

2025 theo mục (i) nêu trên theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

iii. Giao HĐQT quyết định việc sử dụng quỹ (bao gồm mức thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát) theo mục đích được phép phù hợp với quy định pháp luật.

c. Thông qua định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026 của VCB với các nội dung chính sau đây:

- Xác định phương châm hành động: **“Đột phá - Phát triển - Hiệu quả - Bền vững”** và tiếp tục quan điểm chỉ đạo, điều hành: **“Sáng tạo – Quyết liệt - Trách nhiệm - Kỷ cương”**, toàn hệ thống VCB tiếp tục nỗ lực thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, phân đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026;

- VCB tiếp tục thực hiện **6 đột phá** và **6 trọng tâm** trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- + **06 đột phá** về (i) thực thi chiến lược; (ii) tổ chức và nguồn nhân lực; (iii) mô hình tăng trưởng và hệ sinh thái; (iv) phát triển khách hàng; (v) xây dựng sản phẩm và tổ chức bán; (vi) cơ chế, chính sách và chuẩn mực quản trị;

- + **06 trọng tâm** trong (i) cải thiện huy động vốn; (ii) quản trị danh mục theo hướng an toàn, hiệu quả; (iii) phát triển thu dịch vụ và hệ sinh thái; (iv) xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất; (v) quản trị rủi ro và an toàn hệ thống; (vi) tinh gọn tổ chức và nâng cao năng suất

d. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

- Tổng tài sản: Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng;
- Huy động vốn TT1: Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng;
- Tín dụng: Tăng **~10%** và không vượt quá hạn mức được NHNN giao (13%);
- Tỷ lệ nợ xấu: **< 1,5%**;
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: Tăng **~ 5%**.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trên cơ sở ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, diễn biến của thị trường và thực tế hoạt động kinh doanh (nếu có).

e. Thông qua nội dung liên quan đến Chiến lược phát triển VCB giai đoạn tới: ĐHCĐ giao HĐQT xây dựng và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền

phê duyệt Chiến lược phát triển VCB giai đoạn tới theo định hướng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ tình hình thực tiễn của thị trường và báo cáo ĐHĐCD.

**Điều 2.** Thông qua mức thù lao đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2026 của VCB tối đa bằng 0,15% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

**Điều 3.**

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB như nêu tại các Phụ lục kèm theo Tờ trình;

- Thông qua các Dự thảo toàn văn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB.

- Giao HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.

**Điều 4.**

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VCB như nêu tại Phụ lục kèm theo Tờ trình và dự thảo thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm theo Tờ trình;

- Giao BKS thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VCB với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.

**Điều 5.** Thông qua danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VCB năm 2027 bao gồm các tổ chức kiểm toán thuộc danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, công khai theo quy định tại Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, đồng thời đáp ứng các quy định đối với tổ chức kiểm toán độc lập tổ chức tín dụng tại Thông tư 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại thời điểm lựa chọn tổ chức kiểm toán.

**Điều 6.**

- Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội

bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của VCB cho năm tài chính 2027 là: Công ty TNHH KPMG, hoặc Công ty TNHH PWC, hoặc Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

- HĐQT chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng với một trong các công ty kiểm toán theo quyết định nêu trên.

#### **Điều 7.**

- Thông qua Chủ trương thành lập Ngân hàng thương mại (NHTM) Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do VCB sở hữu 100% vốn của VCB tại Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam;

- Giao và Ủy quyền HĐQT thực hiện: (i) Phê duyệt Đề án thành lập chi tiết và triển khai các thủ tục tiếp theo; (ii) Quyết định việc thành lập NHTM 100% vốn của VCB tại Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam khi điều kiện phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật.

#### **Điều 8.**

a. Đối với Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ

- Tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 18 của VCB phê duyệt theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 (Nghị quyết 18), theo đó chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa 543.100.000 cổ phiếu phổ thông, tương đương mức vốn điều lệ tối đa tăng thêm 5.431.000.000.000 đồng.

- Bổ sung vào Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Nghị quyết 18 “*Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua Phương án và dự kiến sau khi tăng vốn*” (Danh sách cụ thể như trình bày tại Phụ lục 01 của tờ trình).

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế chủ động thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và rà soát, chỉnh sửa Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để làm rõ/chi tiết các nội dung trong Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoặc trong trường hợp có thay đổi của pháp luật tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

- b. Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
  - Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Phương án đính kèm tờ trình);
  - Giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Phương án (để làm rõ/chi tiết các nội dung trong Phương án; hoặc trong trường hợp có thay đổi của pháp luật tại từng thời điểm; hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật) và triển khai thực hiện;
    - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của VCB đối với nội dung vốn điều lệ sau phát hành theo Phương án được phê duyệt và kết quả phát hành thực tế;
    - Giao/Ủy quyền cho HĐQT:
      - + Quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
      - + Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền;
      - + Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể theo kết quả phát hành thực tế;
      - + Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phiếu, đăng ký vốn điều lệ của ngân hàng, sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi Điều lệ VCB (nội dung liên quan đến vốn điều lệ); hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn theo quy định của pháp luật; thực hiện niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất việc phát hành; và
      - + Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ phù hợp với quy định hiện hành.

**Điều 9.** Thông qua tờ trình & quy chế bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát VCB nhiệm kỳ 2023 – 2028.

**Điều 10.** Thông qua việc bầu bổ sung ông Nguyễn Ngọc Minh vào chức danh thành viên BKS VCB nhiệm kỳ 2023 - 2028. Nhiệm kỳ của thành viên BKS VCB được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

**Điều 11.** Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại

cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/04/2026. Các ông (bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

*Nơi nhận:*

- Như Điều 11;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: Ban CL&TKHĐQT.

**NGUYỄN THANH TÙNG**